

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2025
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thò Bá Tênh

Ông Lữ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quang Thị L, sinh năm 1998 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Trú tại: Bản T, xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Lô Ha Đ, sinh năm 1995 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Trú tại: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Quang Thị L trình bày:

- Về tình cảm: Chị Quang Thị L và anh L1 Ha Đa tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2023. Chị L và anh Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An vào ngày **19 tháng 7 năm 2023** trên cơ sở

tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh vào năm 2024, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng khó khăn nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ, anh Đ lạnh nhạt, không quan tâm chăm sóc vợ con, bản thân chị L đã cố gắng vì con mà hàn gắn nhưng không được, chị L không liên lạc được anh Đ, anh Đ cũng không quan tâm chăm sóc, con chung. Nay tình cảm vợ chồng đã cạn kiệt chị L có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị Quang Thị L và anh L1 Ha Đa có 01 con chung cháu Lô Đức A, sinh ngày 10/4/2023 hiện cháu đang sống với chị L tại bản T, xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An. Từ khi chị L sinh cháu Lô Đức A thì anh Đ không quan tâm chăm sóc, thăm nom cháu A. Nên nếu ly hôn đặt ra chị L có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Đa cấp D tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hoà giải hợp lệ cho anh L1 Ha Đa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Đ đều vắng mặt, vụ án không tiến hành hoà giải được do sự vắng mặt của bị đơn anh Lô Ha Đ. Nguyên đơn chị Quang Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L1 Ha Đa nên Toà án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết quả xác minh tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An thì Anh Lô H đăng ký thường trú tại bản N, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Anh Lô Ha Đ và chị Quang Thị L là vợ chồng, có 01 con chung là cháu Lô Đức A, sinh ngày 10/4/2023 hiện các cháu sống với chị L. Anh Đ và chị L hiện nay sống ly thân với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Quang Thị L cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị Quang Thị L được ly hôn với anh Lô Ha Đ; Con chung: giao cháu Lô Đức A, sinh ngày 10/4/2023 cho chị Quang Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ; Tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Lô Ha Đ đăng ký thường trú tại bản N, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Quang Thị L và bị đơn anh L1 Ha Đa thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2023 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 34 ngày 19 tháng 7 năm 2023 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị L và anh Đ trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống khác nhau, nên thường xuyên cãi vã nhau, xúc phạm nhau thậm tệ, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, tình cảm vợ chồng rạn nứt và đã sống ly thân với nhau từ năm 2024, chị L cũng thừa nhận, chị không còn tình cảm với anh Đ, không muốn tiếp tục chung sống với anh Đ và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân không đạt được mục đích, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị L và anh Đ có 01 con chung là cháu Lô Đức A, sinh ngày 10/4/2023 hiện cháu đang sống với chị Quang Thị L tại bản T, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An, khi ly hôn chị Quang Thị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, từ khi ly thân cháu Lô Đức A do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lô Đức A đã sống ổn định với chị Quang Thị L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Lô Đức A, sinh ngày 10/4/2023 cho chị Quang Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, trưởng thành, chị L không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con

nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Quang Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Quang Thị L được ly hôn với anh Lô Ha Đ.

2. Con chung:

+ Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu Lô Đức A, sinh ngày 10/4/2023 cho chị Quang Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ;

- Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc chị Quang Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007505 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.Tương Dương;
- Cơ quan THADS H.Tương Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Nga My;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Ái